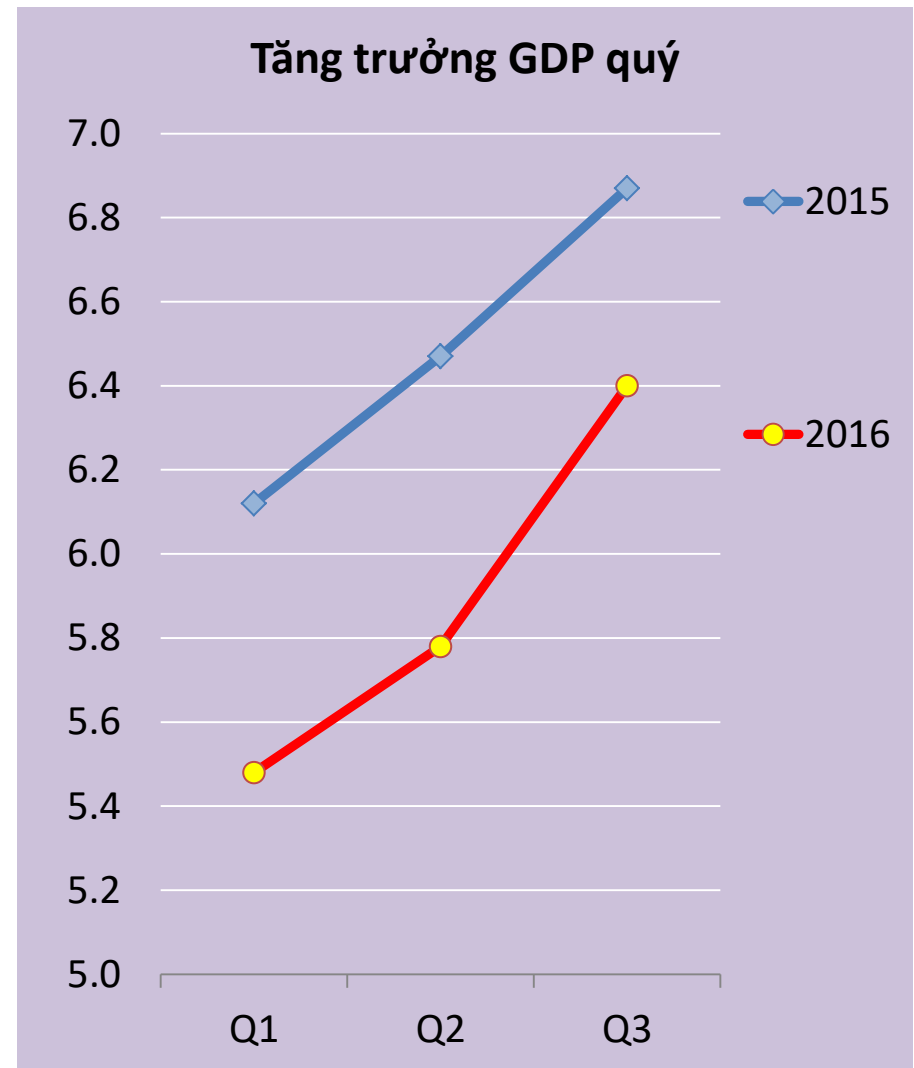


# **Cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam: 9T/2016**

Nguyễn Xuân Thành  
6 tháng 10 năm 2016

# Tăng trưởng chậm lại

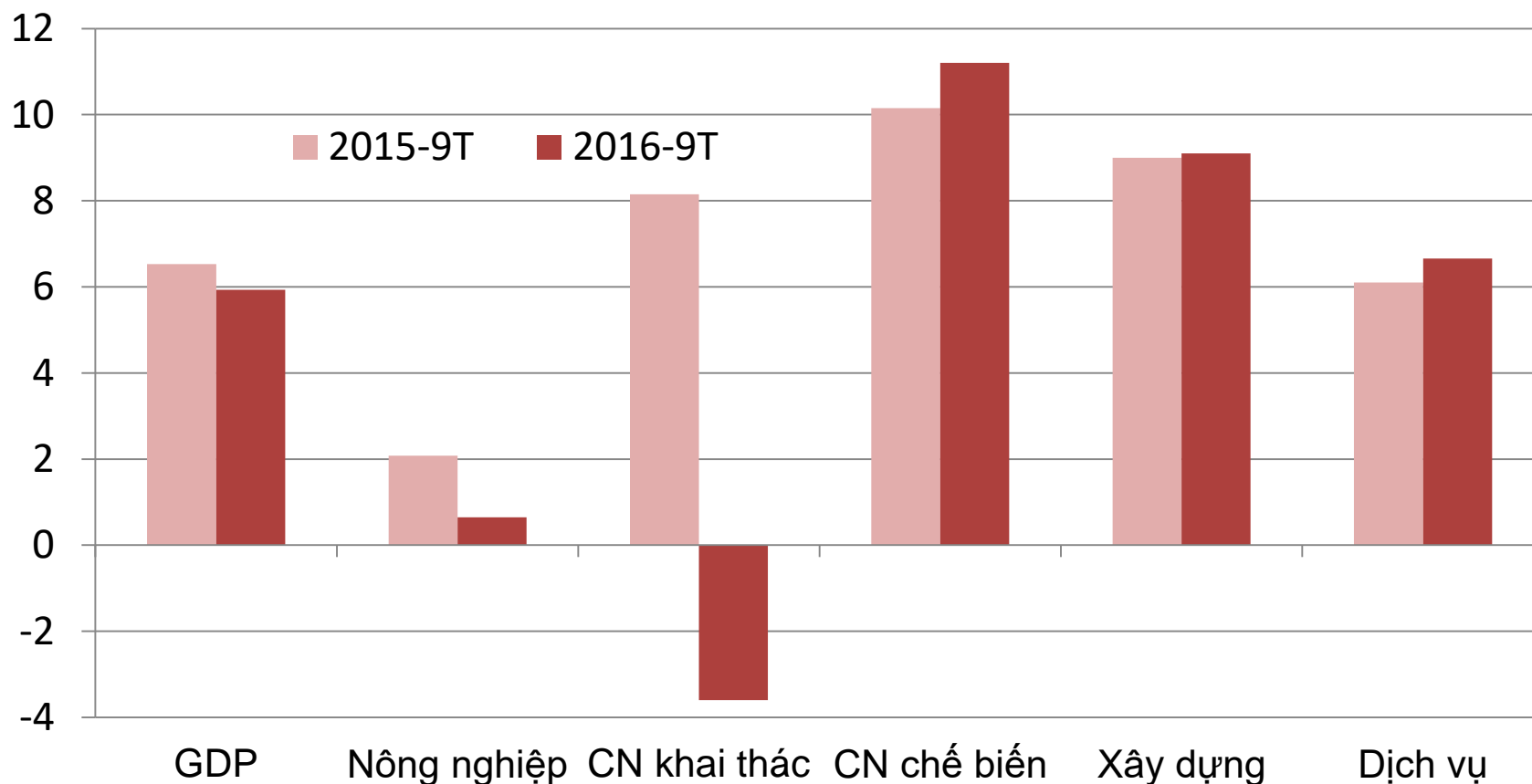
- GDP 9T/2016: 5,93%  
(9T/2015: 6,53%)
- Tăng trưởng Q3: 6,4%
  - Một cải thiện lớn so với quý trước và so với sự cải thiện của Q3/2015
- Tăng trưởng Q2 đã được điều chỉnh lên:
  - Ước tính vào T9: 5,78%
  - Ước tính vào T6: 5,55%
- Tăng trưởng 2016:
  - Chính phủ: 6,3-6,5%
  - IMF: 6,1%
  - WB: 6.0%



Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.

# Tăng trưởng từ phía sản xuất

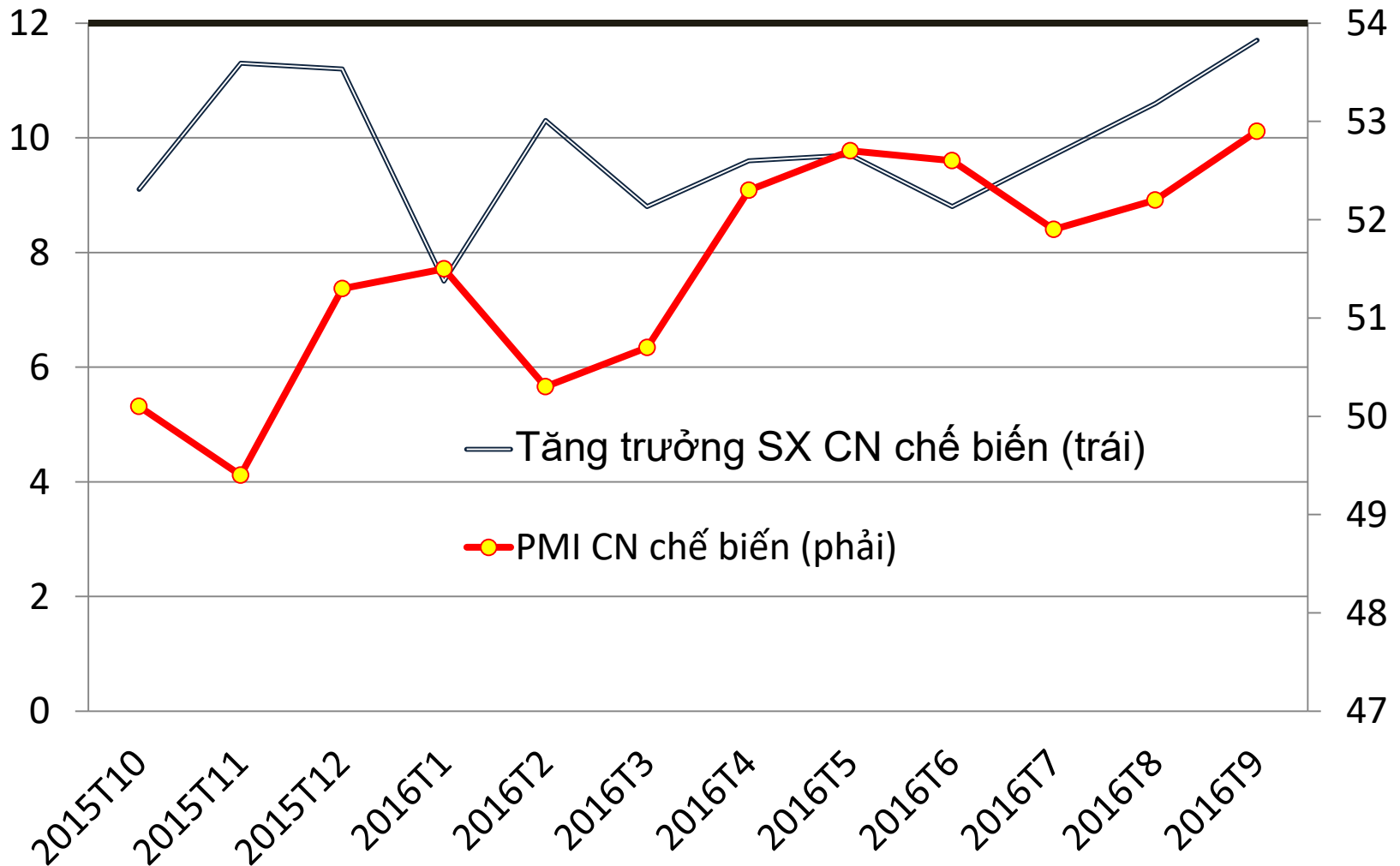
- Từ phía SX, suy giảm CN khai thác và tăng trưởng chậm trong nông nghiệp giải thích cho tăng trưởng chậm kinh tế chậm lại.



*Nguồn:* Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê VN.

# Sản xuất công nghiệp chế biến

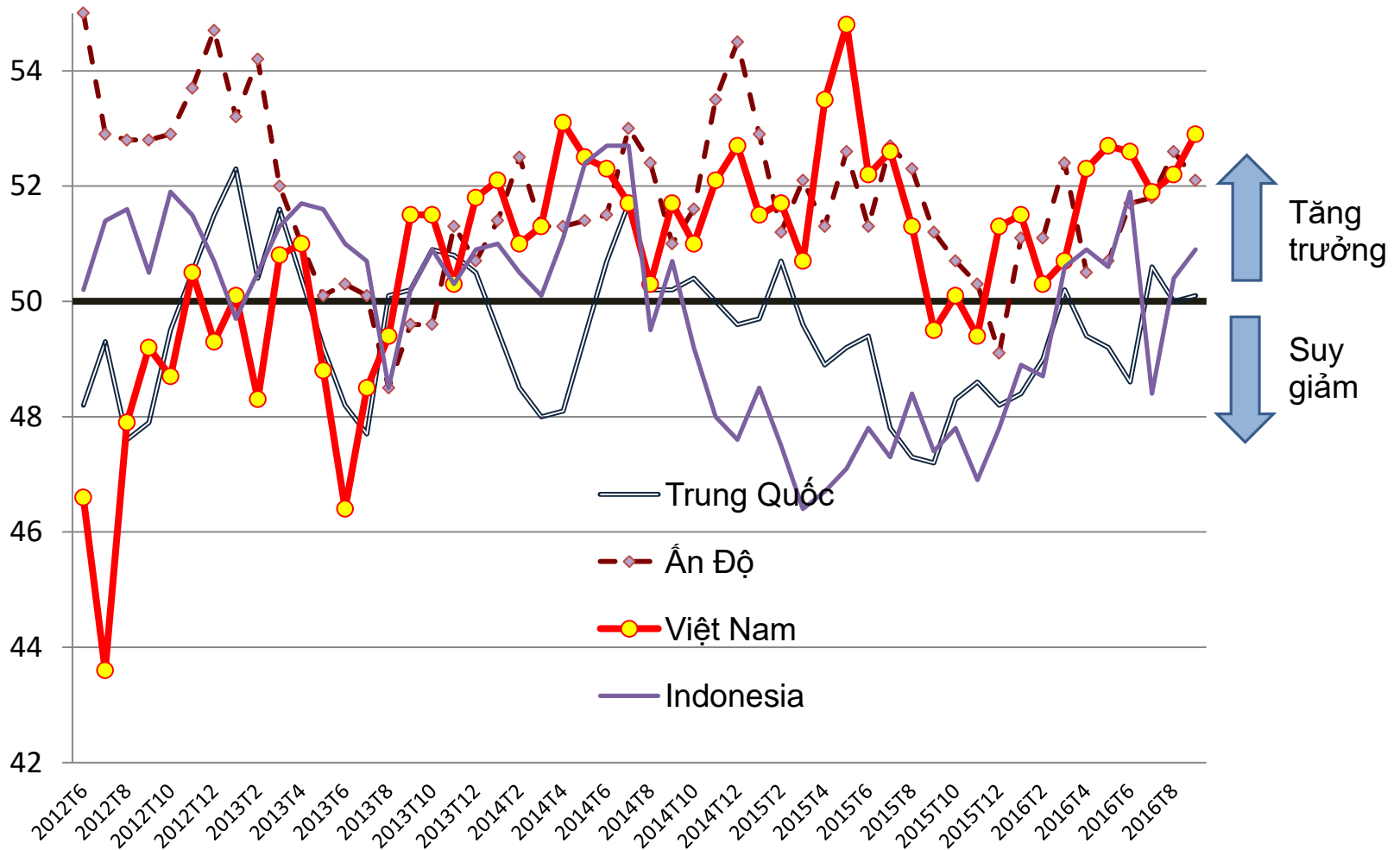
Cả số liệu SX CN chế biến của TCTK và chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) đều cho thấy cải thiện về tăng trưởng.



Nguồn: SX CN chế biến từ TTCK và PMI từ Markit Economics.

# Chỉ số PMI cho sản xuất công nghiệp chế biến

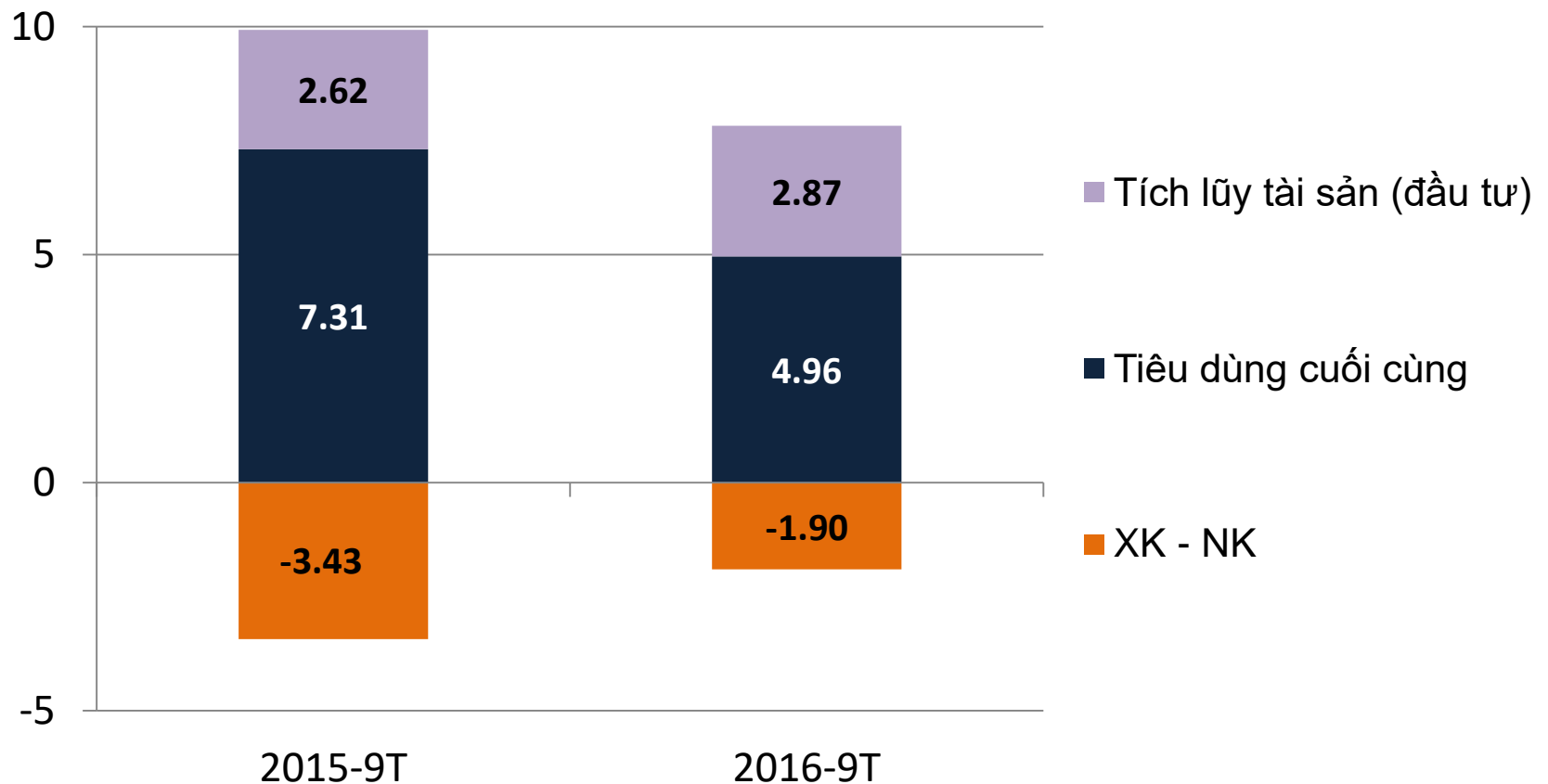
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) cho thấy hoạt động SX CNCB của Việt Nam vượt trội hơn các nước trong khu vực trong Q2 và Q3/2016.



Nguồn: Markit Economics.

# Tăng trưởng từ phía tổng cầu

- Từ phía cầu, tiêu dùng cuối cùng tăng thấp hơn giải thích cho tăng trưởng kinh tế 2016 không bằng 2015.

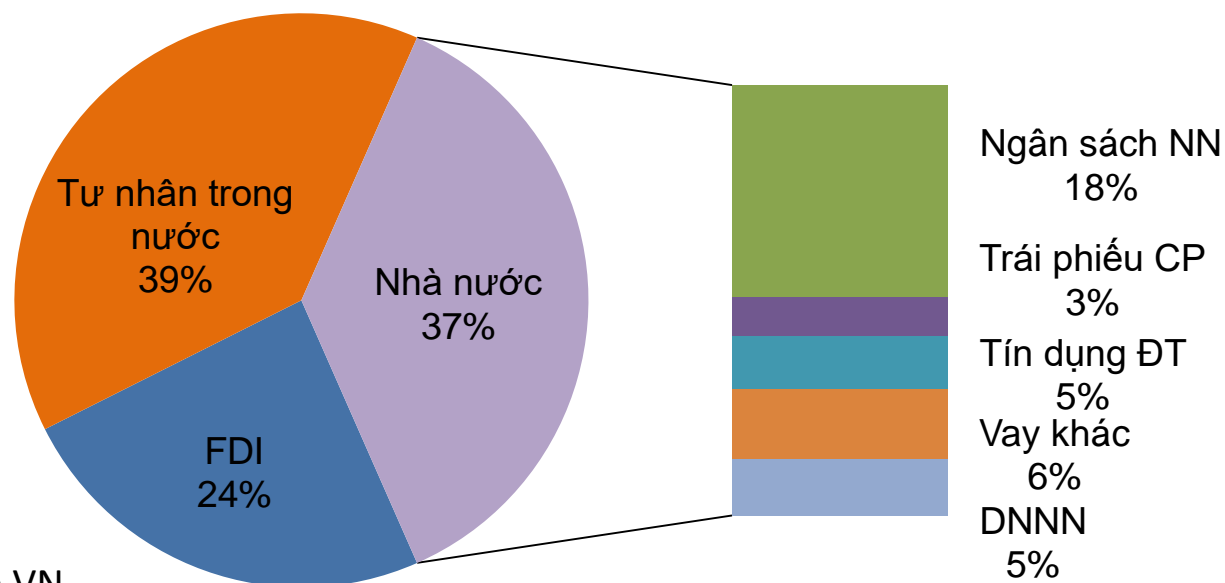


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê VN.

# Đầu tư

Tăng trưởng, giá danh nghĩa	9T/2015	9T/2016
Tổng số	9,6	9,6
Nhà nước	6,6	7,2
Tư nhân trong nước	11,0	10,1
FDI	12,4	12,6
Lạm phát	0,7	2,1

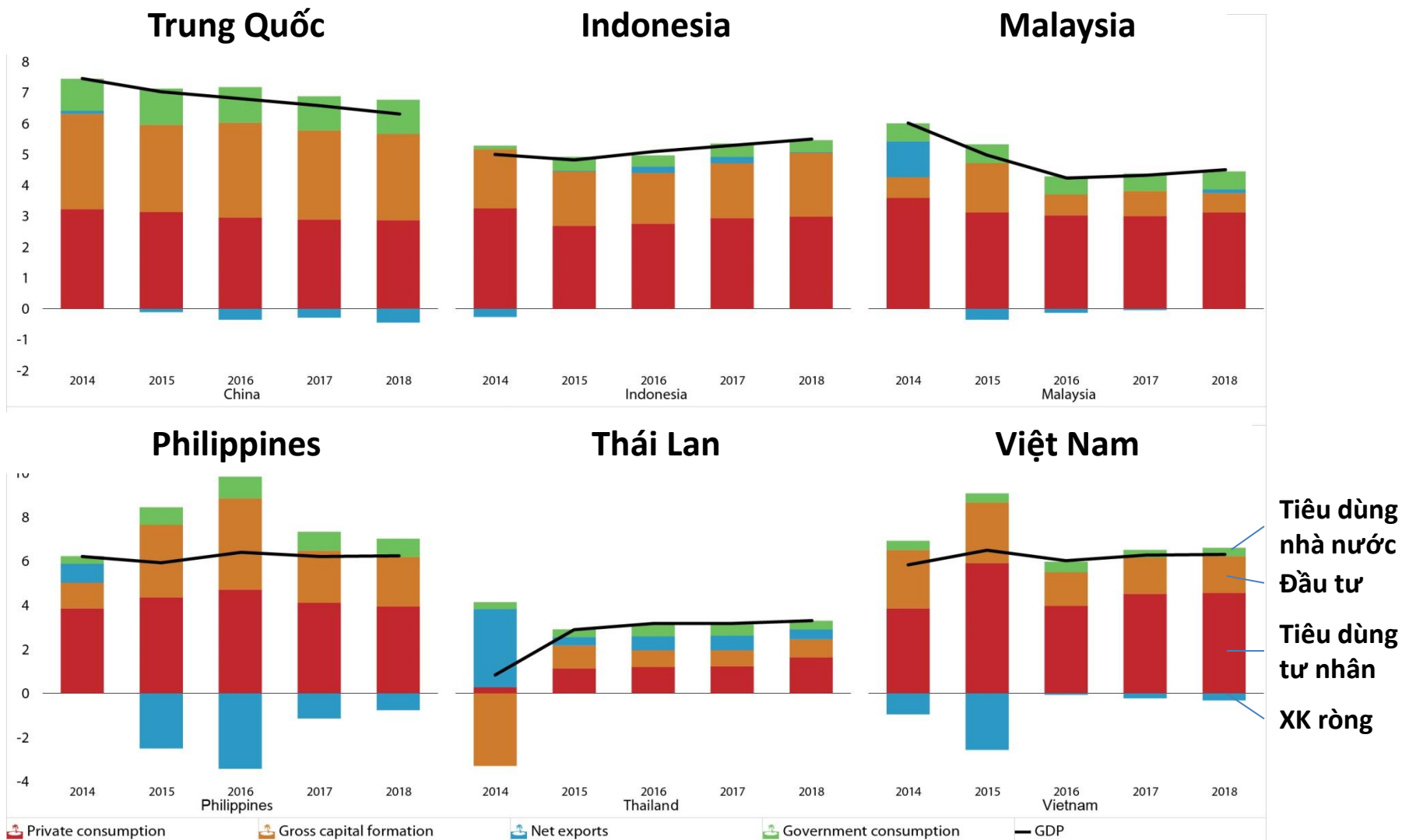
**Cơ cấu tổng vốn đầu tư, 9T/2016**



Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.

# Tăng trưởng từ phía tổng cầu: So sánh với các nước trong khu vực

- Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã phần nhiều là do tiêu dùng tư nhân thúc đẩy



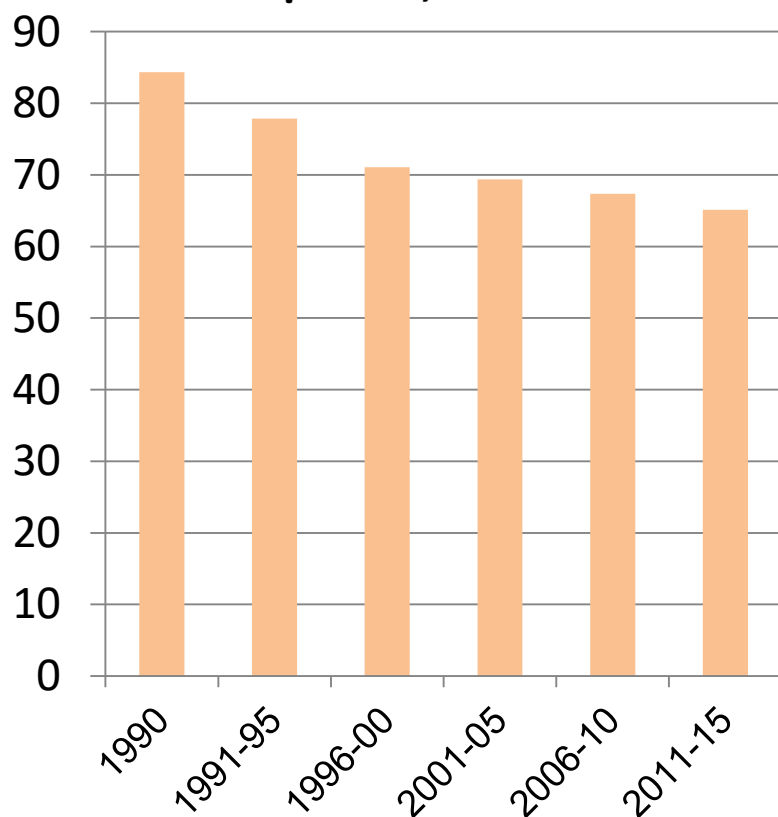
Nguồn: NHTG, East Asia and Pacific Economic Update, T10/2016



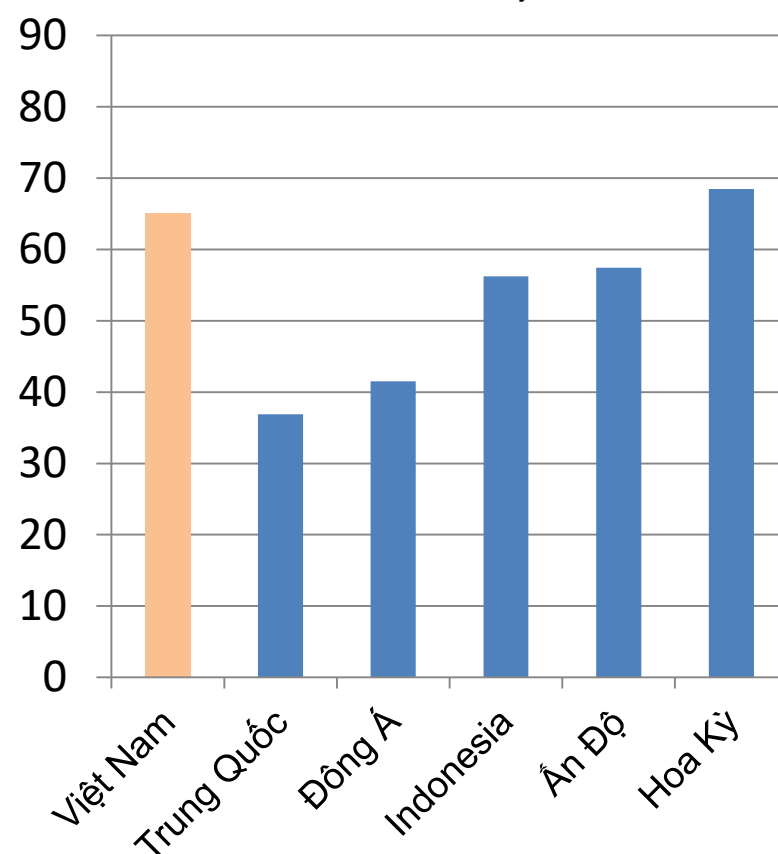
# Tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình trong GDP Việt Nam

- Tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình trong GDP giảm đi theo thời gian, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn.

**Việt Nam, 1990-2015**



**So với các nước, 2011-15**



Nguồn: NHTG, World Development Indicators

# Xuất khẩu hàng hóa, 9T/2016

	Giá trị (tỷ USD)	% so cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>128,2</b>	<b>6,7</b>
Trong nước	37,0	5,0
FDI (không kể dầu thô)	89,5	9,3
Dầu thô	1,7	-43,3
<b>Nông sản</b>		
Thủy sản	5,0	5,7
Rau quả	1,8	31,6
Điều	2,0	15,3
Cà phê	2,5	22,8
Gạo	1,7	-12,4
<b>CN chế biến – chế tạo</b>		
May	17,9	5,9
Giày	9,4	7,9
Nội thất	5,0	2,0
ĐTĐĐ	25,0	8,6
Hàng điện tử, tin học	12,9	13,7

# Nhập khẩu hàng hóa, 9T/2016

	Giá trị (tỷ USD)	% so cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>125,4</b>	<b>1,3</b>
Trong nước	51,4	2,0
FDI (không kể dầu thô)	74,0	0,9
Hàng điện tử, tin học	20,2	16,9
MMTB	20,2	-2,7
Vải	7,7	2,7
ĐTDD	7,5	-8,0
Thép	5,8	1,9
Chất dẻo	4,5	2,9
Ô-tô	4,3	0,2
Nguyên phụ liệu dệt may	3,8	0,7
Xăn dầu	3,4	-14,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.

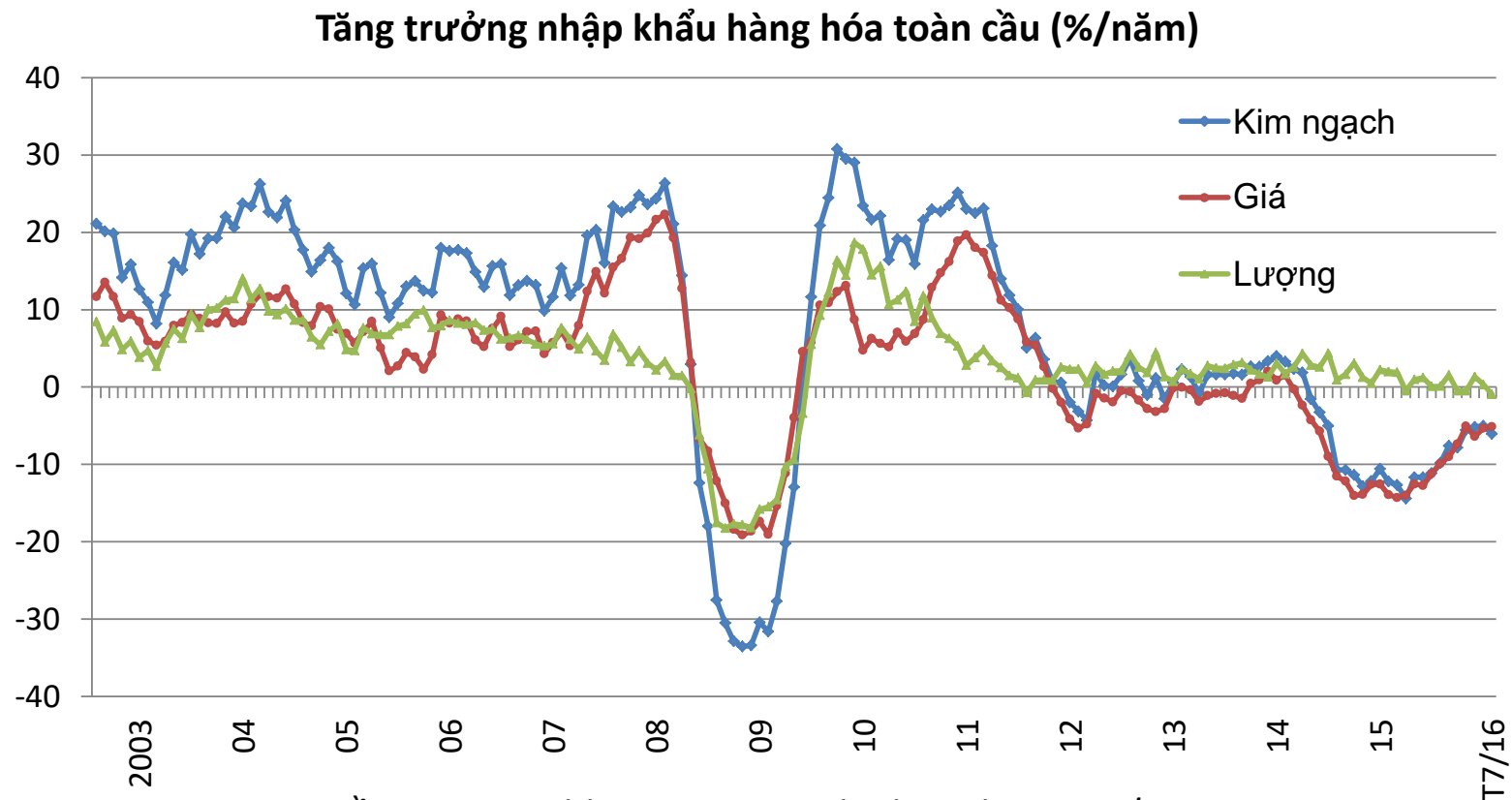
# Xuất nhập khẩu dịch vụ, 9T/2016

---

- Xuất khẩu dịch vụ: 9,2 tỷ USD, tăng 12,8%
  - Xuất khẩu dịch vụ du lịch: 6,3 tỷ USD, tăng 17,9%
- Nhập khẩu dịch vụ: 12,6 tỷ USD, tăng 3,4%
  - Nhập khẩu dịch vụ vận tải: 6,6 tỷ USD, tăng 2,2%

# Tăng trưởng chậm lại của thương mại toàn cầu

- Nguyên nhân (theo IMF):
  - Chính: tăng trưởng kinh tế suy yếu (đặc biệt là tăng trưởng đầu tư) (giải thích cho  $\frac{3}{4}$  sự suy giảm tăng trưởng từ GD 2003-07 đến 2012-15).
  - Phụ: Giảm tốc độ tự do hóa thương mại và gần đây là động thái gia tăng các biện pháp bảo hộ



Nguồn: IMF, World Economic Outlook Update, T10/2016.

# Cán cân thanh toán quốc tế

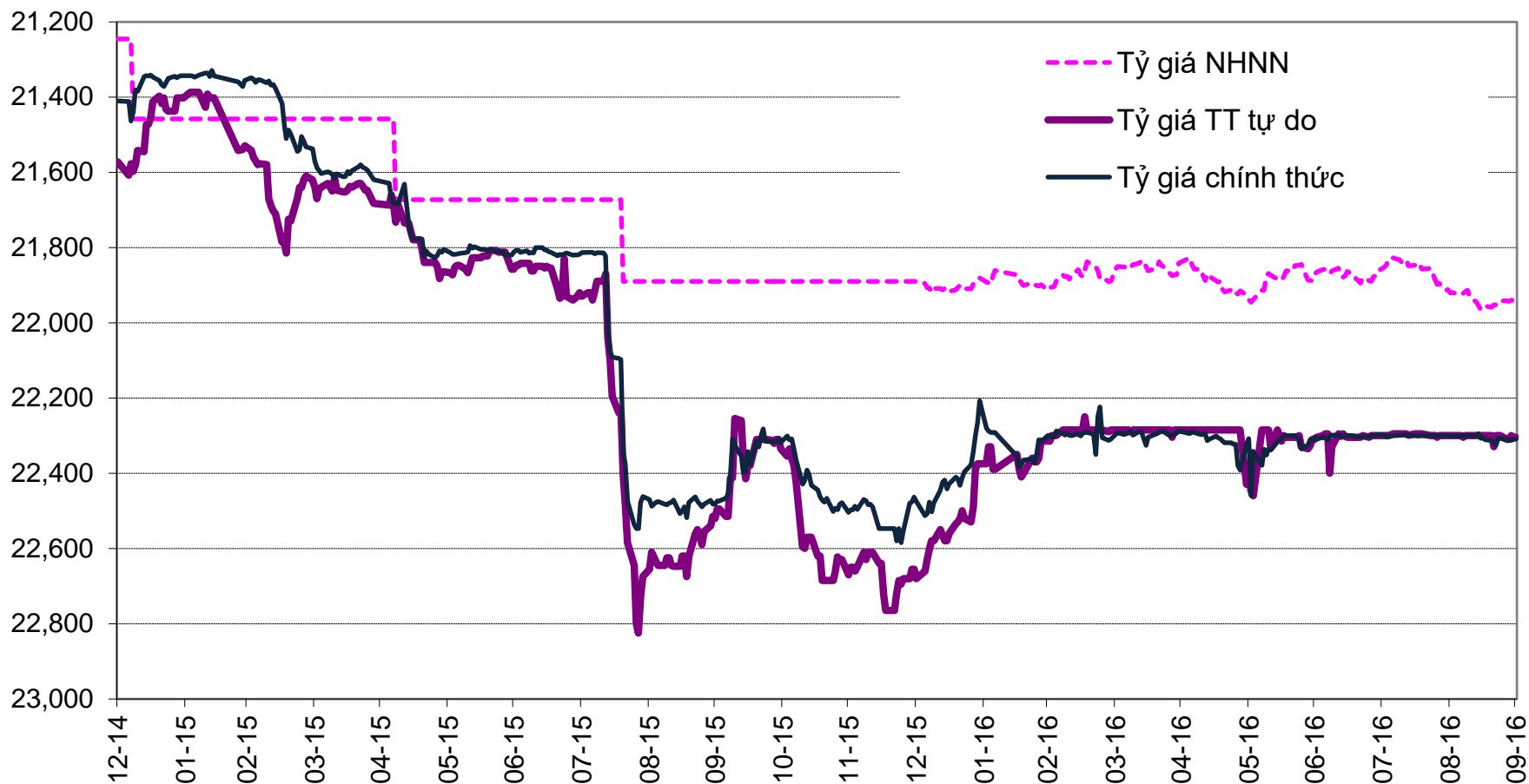
- Cán cân tổng thể thặng dư lớn trong nửa đầu 2016.
- NHNN mua vào trên 10 tỷ USD trong 9T/2016 và tăng dự trữ ngoại tệ là 41 tỷ USD.

	2012	2013	2014	2015	2016.Q1&2
<b>Cán cân vãng lai</b>	<b>9,061</b>	<b>7,744</b>	<b>9,144</b>	<b>906</b>	<b>5,344</b>
Cán cân thương mại HH (FOB)	9,884	8,713	12,126	7,396	7,007
Cán cân dịch vụ	-2,920	-3,110	-3,530	-4,300	-2,220
Thu nhập đầu tư	-6,115	-7,336	-9,060	-9,925	-3,364
Chuyển tiền	8,212	9,477	9,608	7,735	3,921
<b>Cán cân vốn &amp; tài chính</b>	<b>8,330</b>	<b>-283</b>	<b>5,769</b>	<b>1,575</b>	<b>5,124</b>
Đầu tư trực tiếp	7,168	6,944	8,050	10,700	5,340
Vay trung-dài hạn	3,908	3,497	5,613	5,049	1,688
Vay ngắn hạn	1,306	81	1,039	790	-61
Đầu tư gián tiếp (CK)	1,990	1,460	93	-65	303
Tiền và tiền gửi	-6,042	-12,235	-9,114	-14,846	-2,001
Tài sản khác	0	-30	88	-53	-145
<b>Lỗi và sai sót</b>	<b>-5,524</b>	<b>-6,904</b>	<b>-6,533</b>	<b>-8,512</b>	<b>-3,793</b>
<b>Cán cân tổng thể</b>	<b>11,867</b>	<b>557</b>	<b>8,380</b>	<b>-6,031</b>	<b>6,675</b>

Nguồn: NHNN VN.

# Biến động tỷ giá

- Tỷ giá VND/USD hầu như không thay đổi so với đầu năm.
- 2016 sẽ là năm NHNN không có điều chỉnh gì đáng kể về tỷ giá.

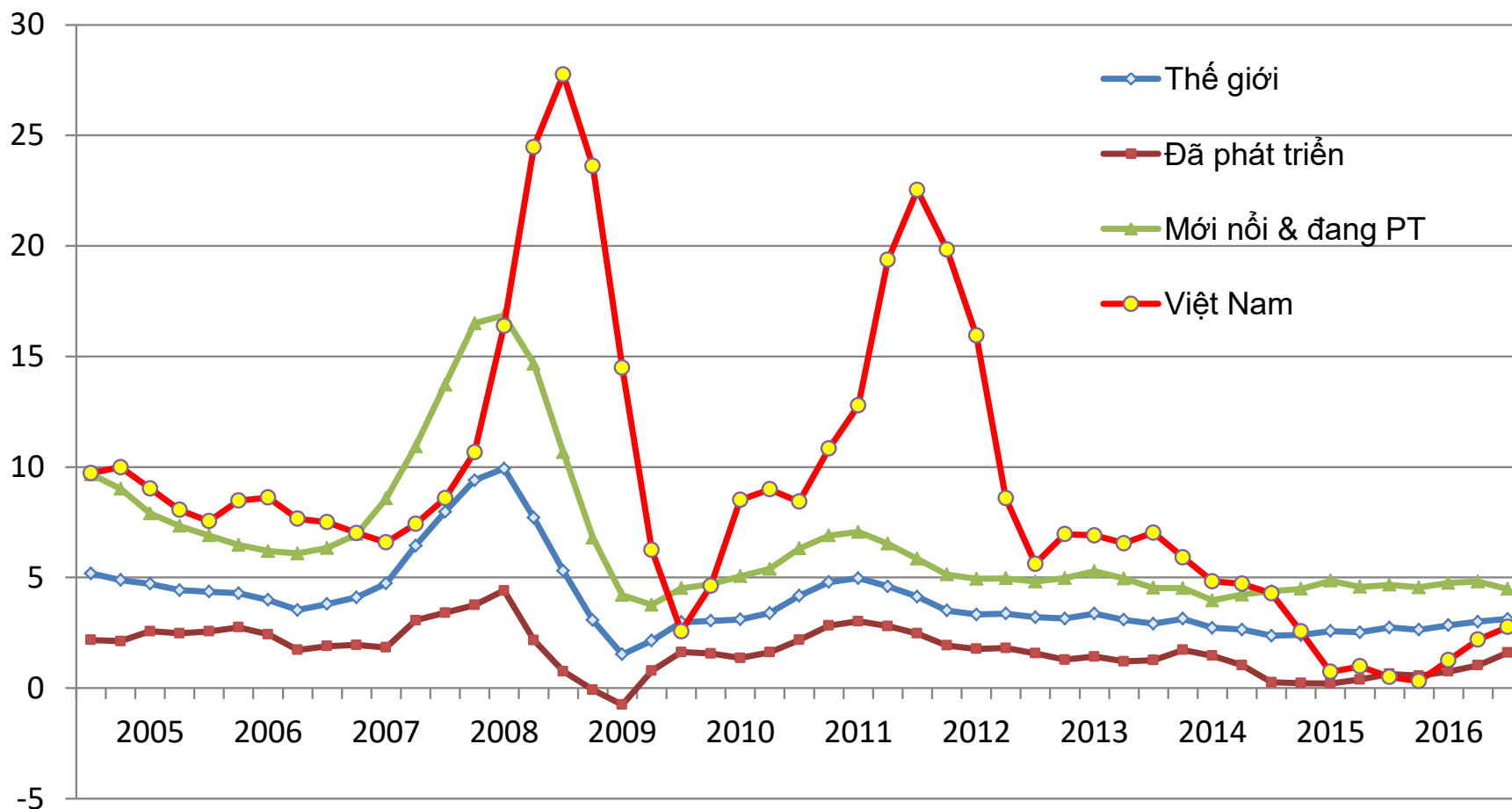


Nguồn: Tính toán từ cơ sở dữ liệu tài chính của CTCK TP.HCM (HSC).

# Lạm phát VN so với thế giới

(trung bình trượt 3 tháng, %/năm so với cùng kỳ)

- Lạm phát toàn cầu vẫn rất thấp trong năm 2016.
- Lạm phát ở VN cũng thấp nhưng đang trên đà gia tăng.



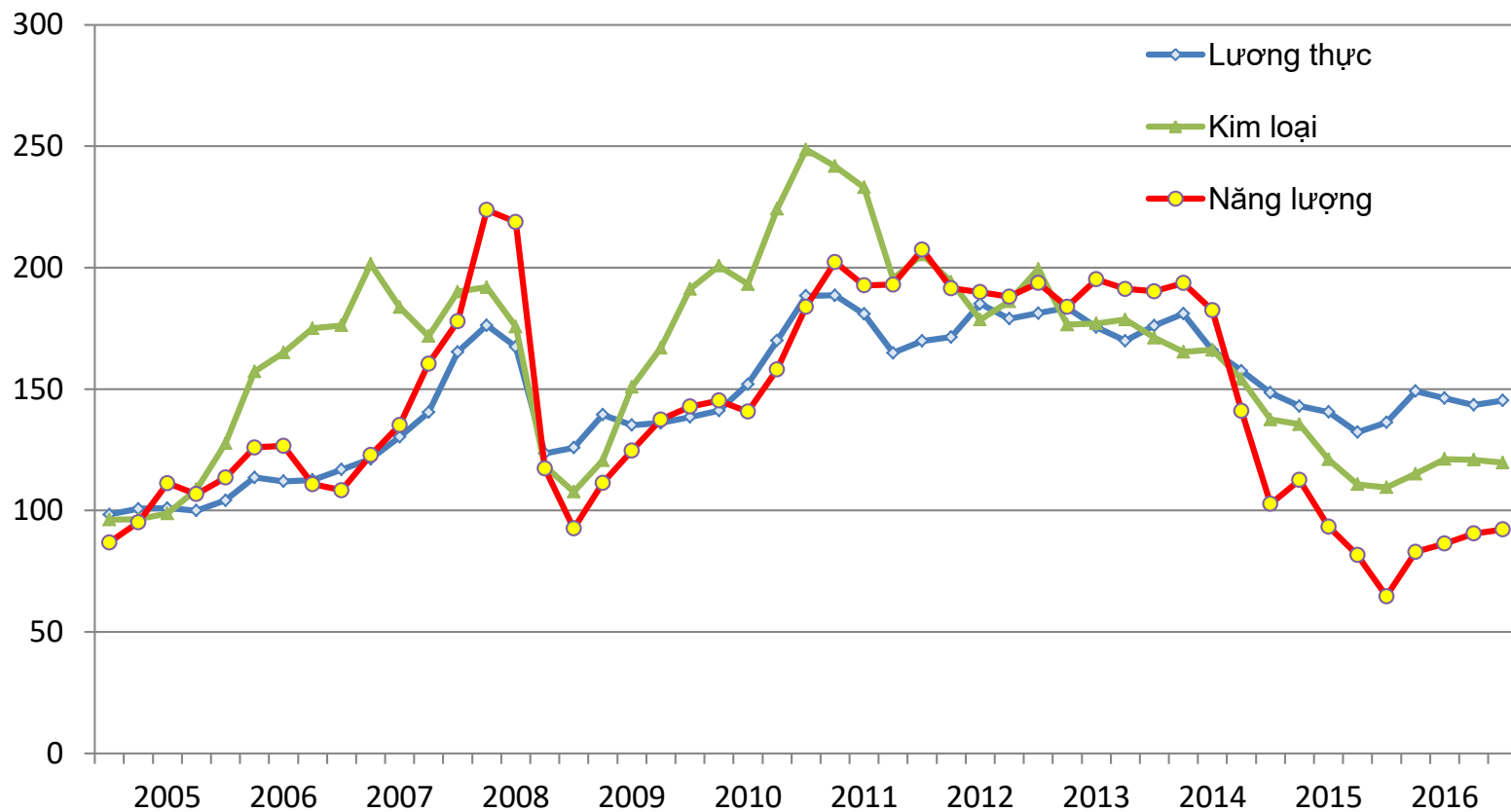
Nguồn: Số liệu VN từ TCTK và số liệu khác từ IMF, World Economic Outlook Update, T10/2016.



# Giá hàng hóa thế giới

(đã điều chỉnh cho lạm phát Hoa Kỳ, chỉ số năm 2014 = 100)

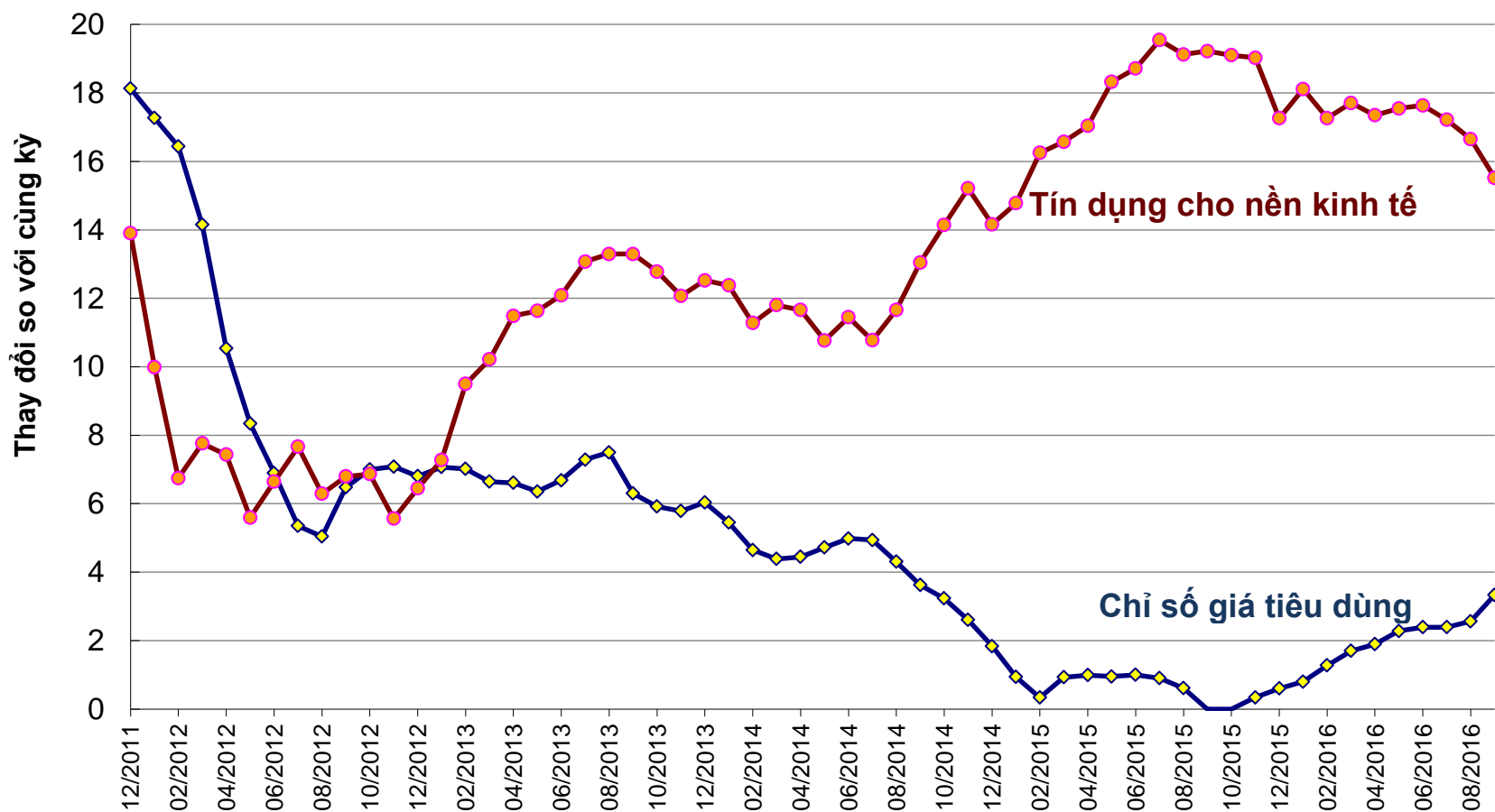
- Giá hàng hóa thế giới đã phục hồi một phần trong năm 2016.
  - Giá dầu thô do cắt giảm sản xuất bắt buộc
  - Giá kim loại do cầu mạnh hơn từ các nước đang phát triển và mới nổi
  - Giá lương thực do tác động tiêu cực của thời tiết



Nguồn: Số liệu từ IMF, World Economic Outlook Update, T10/2016.

# Lạm phát và tăng trưởng tín dụng

- Lạm phát đang trên đà đi lên, mặc dù mới lên 3,3% vào T9/2016 so cùng kỳ.
- Tăng trưởng tín dụng có xu thế giảm xuống, nhưng vẫn ở mức cao. Tín dụng đến giữa T9/16 đã tăng 10,5% so với đầu năm và 15,6% so cùng kỳ.

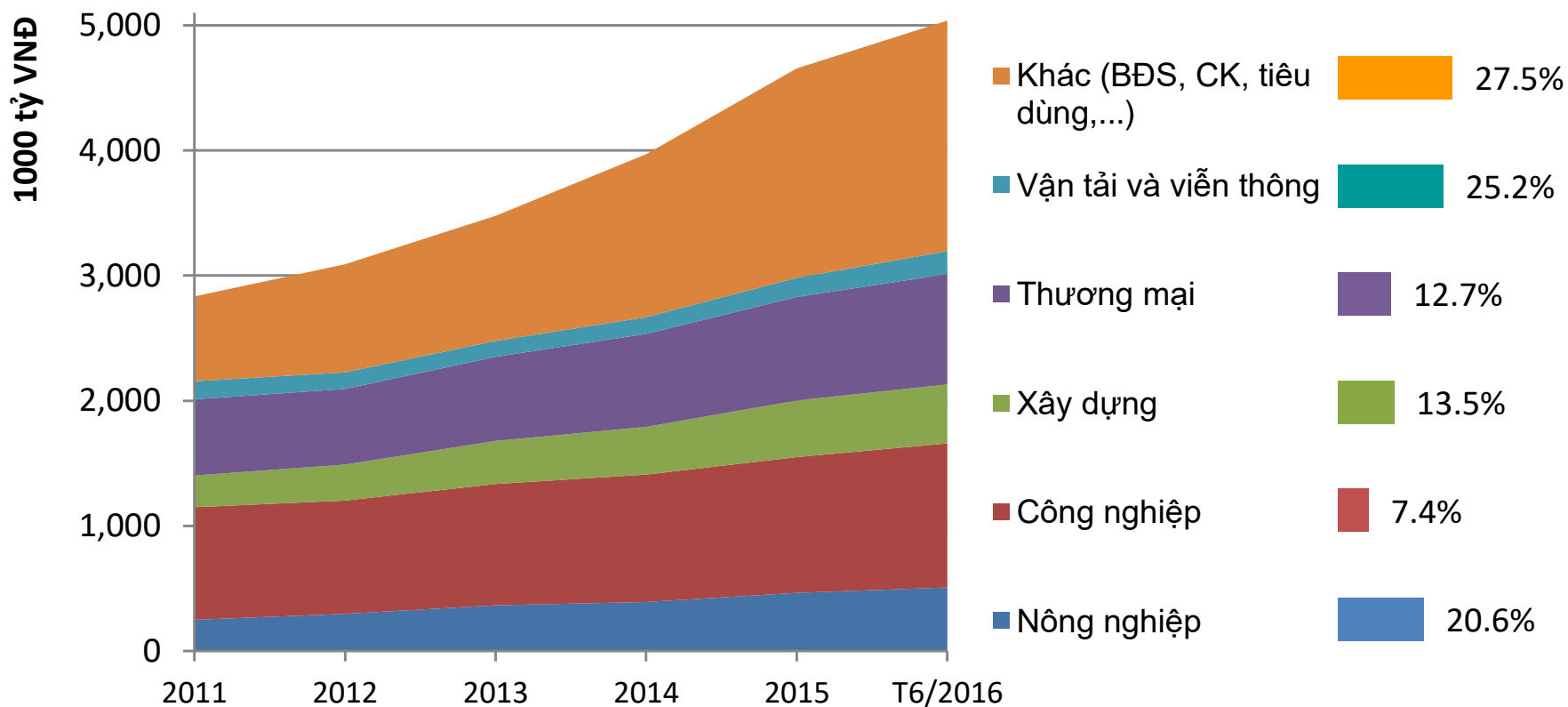


Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

# Tín dụng đi đâu?

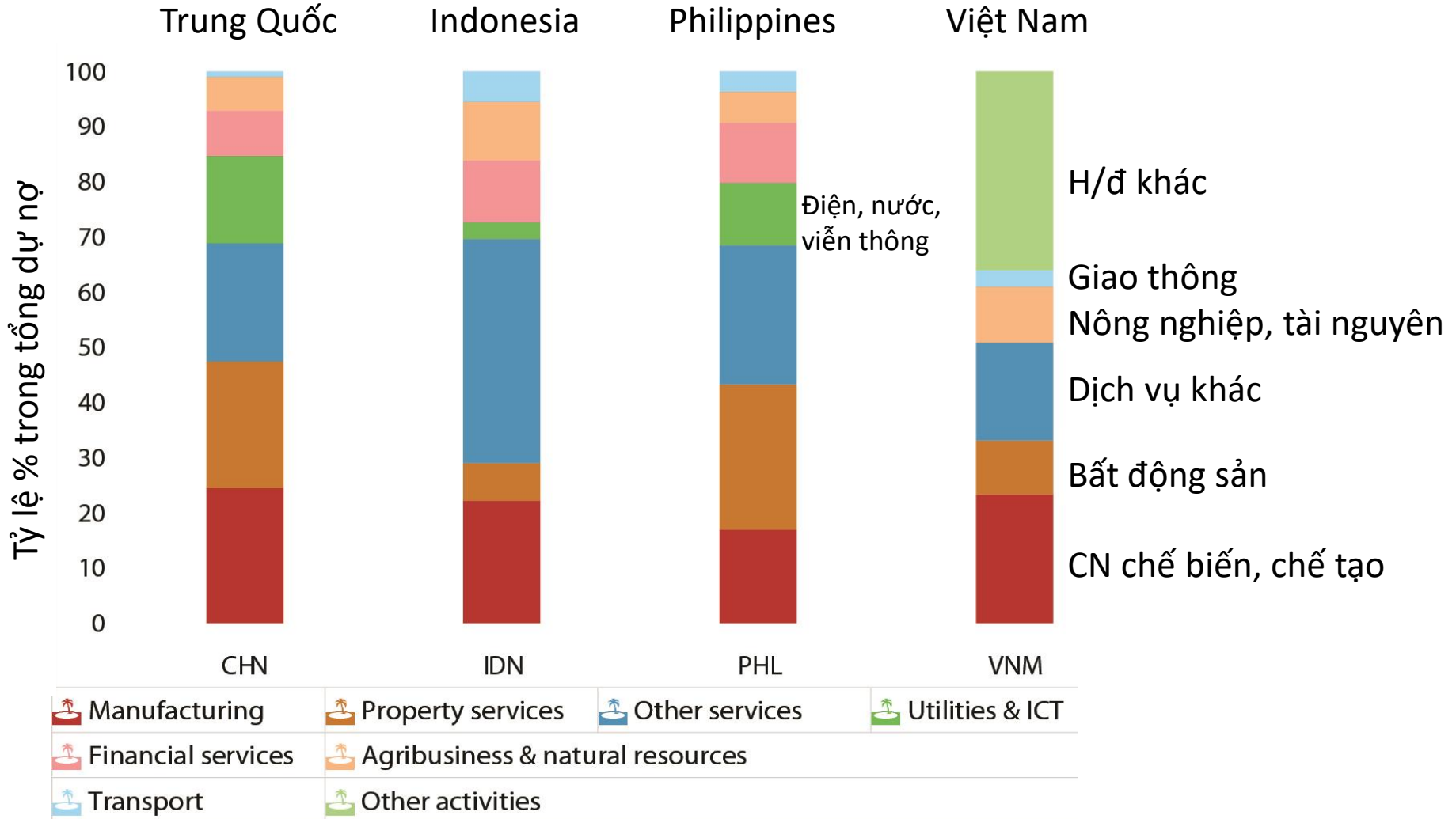
Dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế (1000 tỷ VNĐ)

Tăng trưởng  
so cùng kỳ



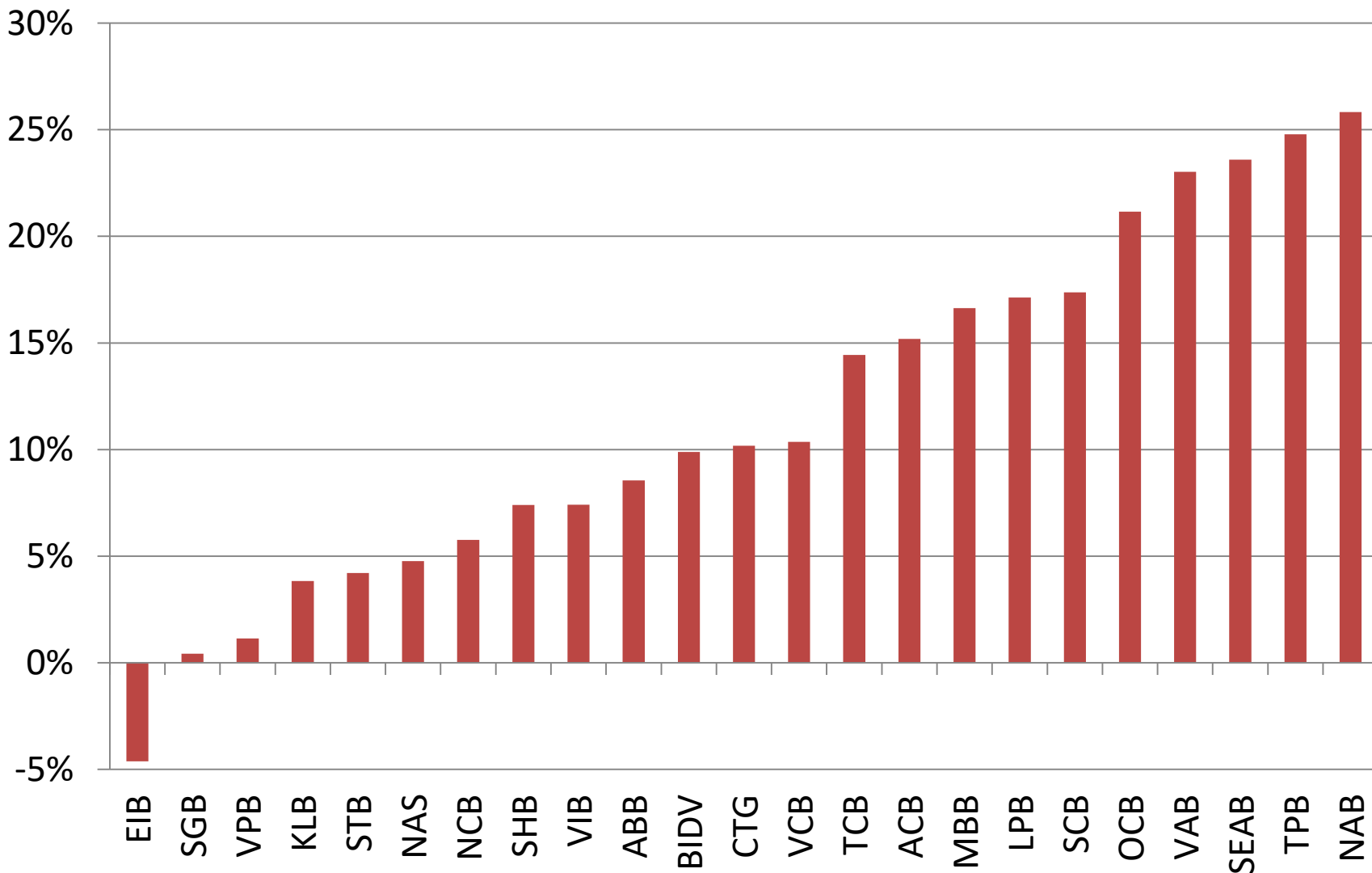
Nguồn: Tính toán từ số liệu do NHNN VN công bố chính thức trên website [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn).

# Tín dụng đi đâu (so sánh với khu vực)



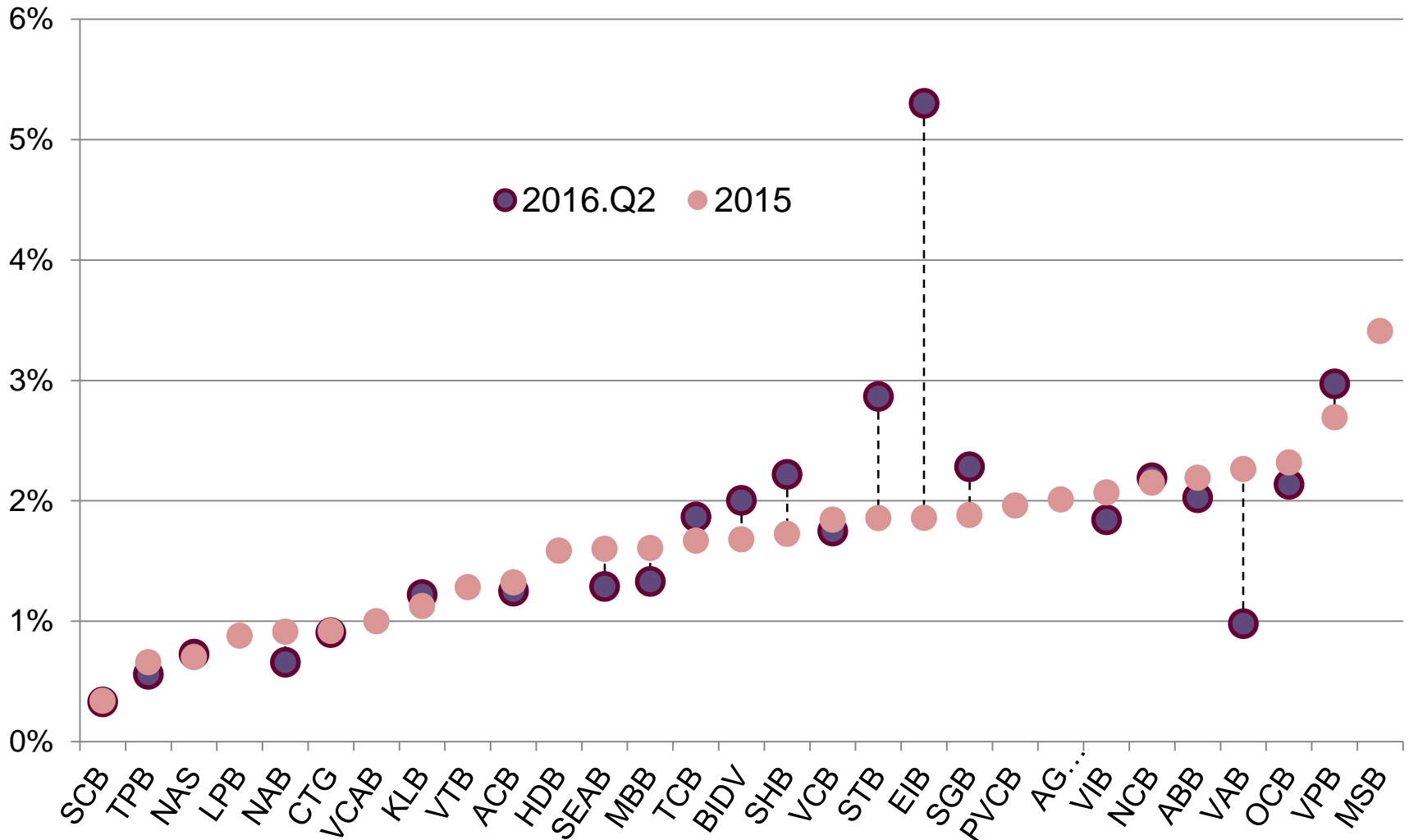
Nguồn: NHTG, East Asia and Pacific Economic Update, T10/2016

# Tăng trưởng tín dụng của các NHTM (T6/2016 so T12/2015)



Nguồn: Tính toán từ BCTC Quý 2/2016 của các NHTM.

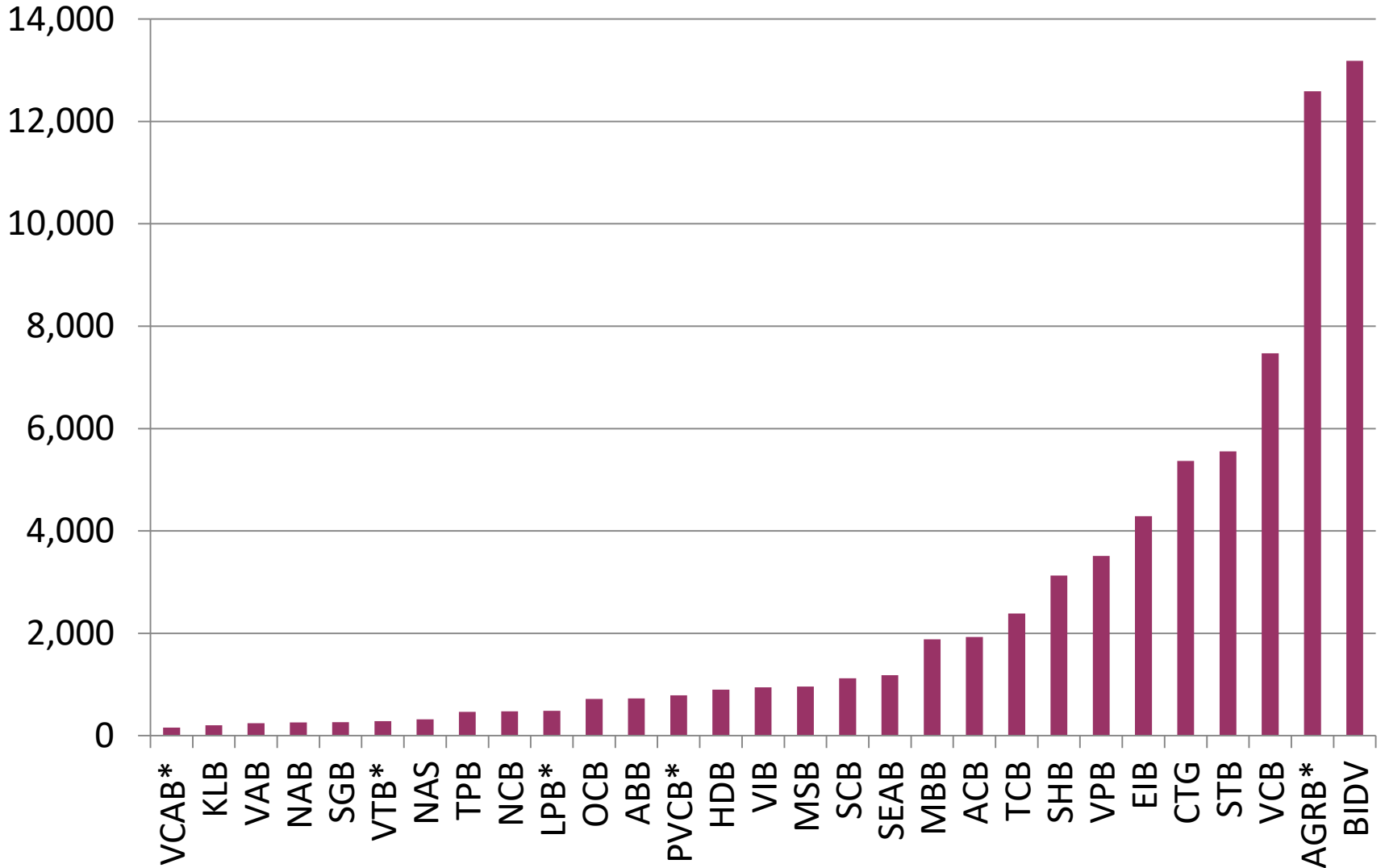
# Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM theo BCTC (T6/2016 so với T12/2015)



Nguồn: Tính toán từ BCTC Quý 2/2016 của các NHTM.

# Giá trị nợ xấu theo BCTC

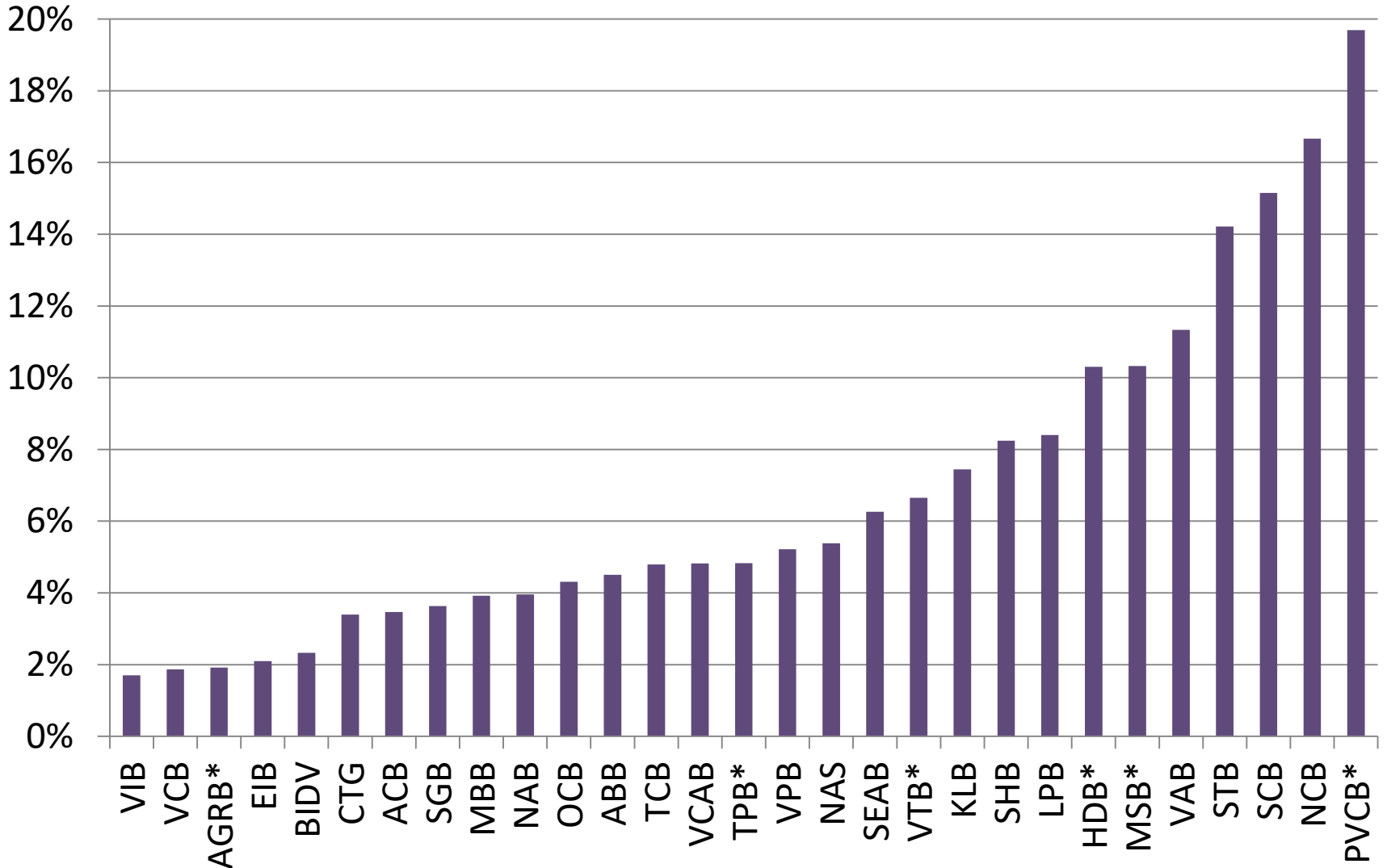
(tỷ đồng, T6/2016)



Ghi chú: \* T12/2015

Nguồn: Tính toán từ BCTC Quý 2/2016 của các NHTM.

# Tỷ lệ tài sản có khác/tổng tài sản (T6/2016 so cùng kỳ)

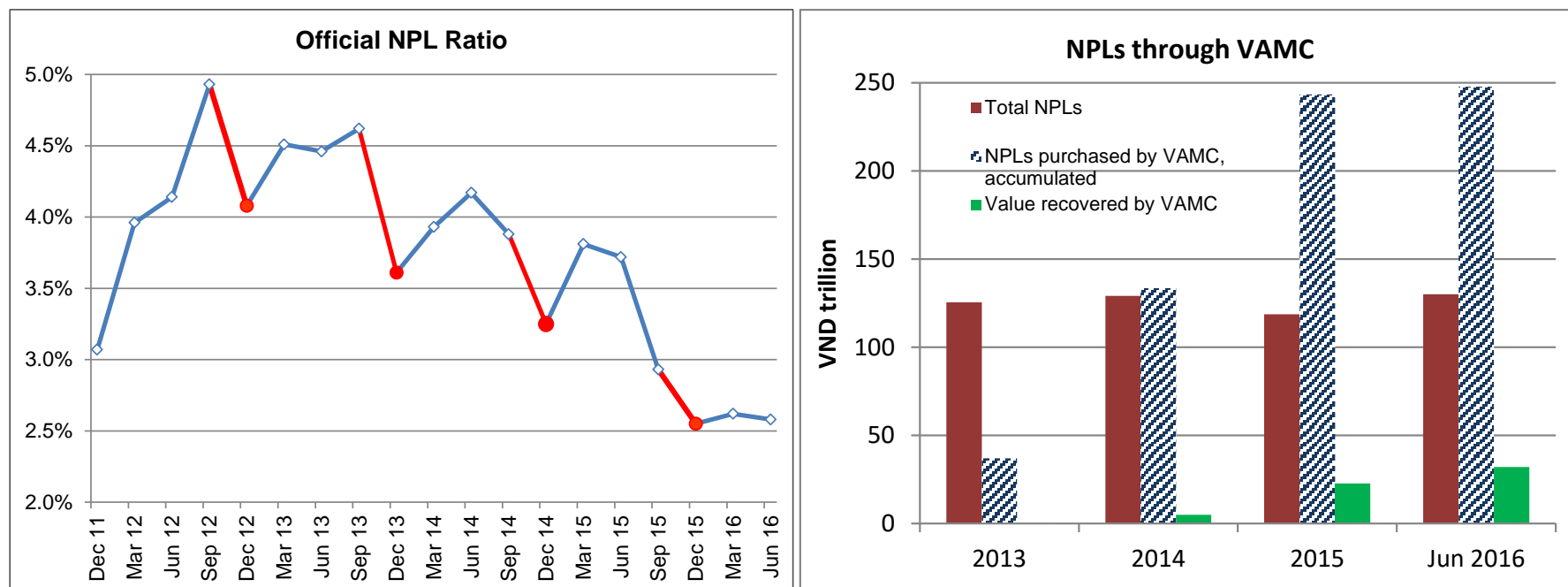


Ghi chú: \* T12/2015

Nguồn: Tính toán từ BCTC Quý 2/2016 của các NHTM.



# Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng

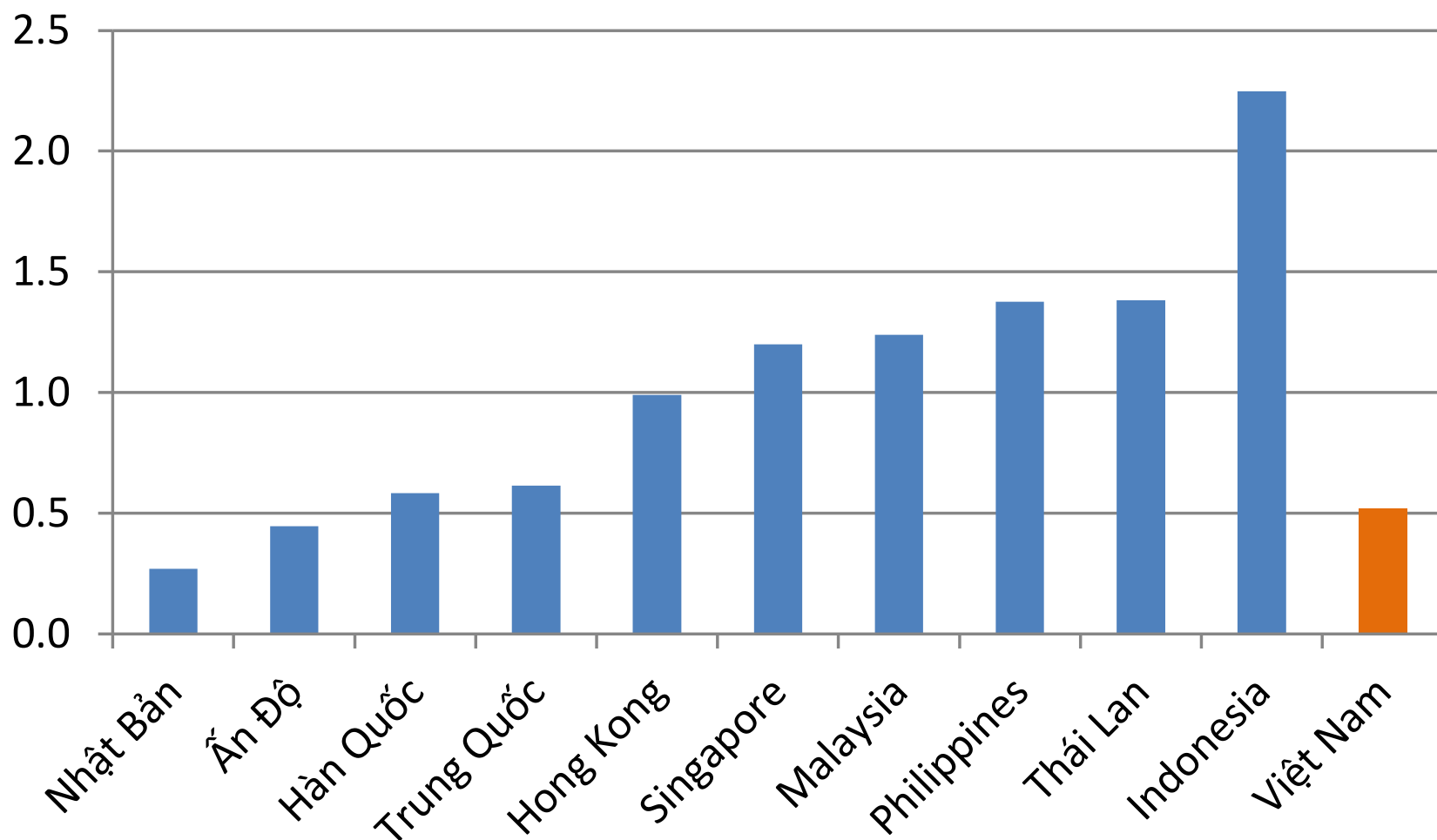


Source: State Bank of VN and VAMC.

- Tổng giá trị nợ xấu chính thức, T6/2016: 130 nghìn tỷ VND (5,9 tỷ USD)
- 248 nghìn tỷ VND (11,3 tỷ USD) nợ xấu đã được chuyển sang VAMC, nhưng chỉ 32 nghìn tỷ VND (1,5 tỷ USD) được xử lý.
- Tính cả nợ xấu VAMC đang giữ, thì tỷ lệ nợ xấu là 6,9% thay vì chỉ 2,6% (nhưng vẫn chưa tính nợ xấu trong các hạng mục tài sản khác).

# ROA bình quân khu vực NHTM năm 2015

- Lợi nhuận của các NH Việt Nam không đủ để họ tự xử lý nợ xấu.



Ghi chú: Trung Quốc là 2015.Q2 và Hàn Quốc là 2014.Q2.

Nguồn: NHNN cho VN và IMF cho các nước khác.